TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2024/QĐST-HNGĐ	*Tuy An, ngày 19 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Trúc L** – sinh năm 1999; Hộ khẩu thường trú: thôn U, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông **Trần Danh T** – Luật sư văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên.

* *Bị đơn:* Anh **Thiều Ngọc D** – sinh năm 1997; Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 59; Điều 88; Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 3 và Điều 7 Luật hộ tịch;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc L và anh Thiều Ngọc D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Các bên đương sự thống nhất không có con chung. Cháu Thiều Mạnh P – sinh ngày 07/7/2023 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân không phải là con chung của chị Trần Thị Trúc L và anh Thiều Ngọc D theo Giấy khai sinh số 65/2023; Ngày, tháng, năm đăng ký: 20/07/2023; Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên. Anh

Thiều Ngọc D không phải là cha đẻ của cháu Thiều Mạnh P theo Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 10/6/2024 của Hội đồng khoa học Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis.

- **Về tài sản chung**: Các bên đương sự thống nhất tài sản chung là vàng: 16 chỉ vàng y và 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), do chị L đang giữ. Chị L và anh D mỗi người nhận: 8 chỉ vàng y và 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Chị L có nghĩa vụ trả cho anh D 08 chỉ vàng y và 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Giá vàng y tại thời điểm hòa giải 11/7/2024: 7.580.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)/chỉ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về án phí:**

+ Chị Trần Thị Trúc L thỏa thuận tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.891.000đ (Một triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chung được chia, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0010658 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Phú Yên nên còn phải tiếp tục nộp 1.741.000đ (Một triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

+ Anh Thiều Ngọc D thỏa thuận chịu 1.891.000đ (Một triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chung được chia, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã D, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Lê Thị Xuân Hương